

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**;

2. Bà **Lê Ngọc Trầm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Phương T**, sinh năm 1985 – có mặt.

Địa chỉ: Số a (số mới b), ấp L, xã T, huyện T, tỉnh N.

- Bị đơn: Anh **Trương Quốc P**, sinh năm 1978 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số a (số mới b), ấp L, xã T, huyện T, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2018 của nguyên đơn – chị Phan Thị Phương T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị T trình bày:

Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh N. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh P không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà quậy phá chửi mắng vợ con, chị T có khuyên nhiều lần anh P cũng hứa sẽ thay đổi nhưng không thực hiện được. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 người là Trương Quốc T, sinh ngày 18/12/2003, hiện cháu T đang sống chung với anh P. Khi ly hôn chị T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của cháu T nhưng nếu con theo chị T thì chị T đồng ý nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2018 và biên bản hòa giải ngày 21/8/2018, bị đơn – anh Trương Quốc P trình bày:

Anh P thống nhất với phần trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn, anh P trình bày do anh hay đi uống rượu nên chị T không hài lòng, bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 02/2017 đến nay. Bản thân anh biết mình sai nên thời gian gần đây anh đã hạn chế uống rượu và đang cố gắng thay đổi. Anh P thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh P cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, anh P xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt có làm đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của chị T và anh P không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P xin đoàn tụ nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn là không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung, có 01 người là Trương Quốc T sinh ngày 18/12/2003 hiện đang sống với anh P. Khi ly hôn chị T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của cháu T. Qua làm việc cháu T có nguyện vọng sống với chị T.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận ý kiến của chị T. Về tài sản chung, chị T trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị T trình bày không có.

Chị Thảo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Quốc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị Phương T và anh Trương Quốc P chung sống với nhau từ năm 2001, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy rằng: Chị T và anh P chung sống với nhau từ năm 2001 đến tháng 02/2017 thì sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh P sống không có trách nhiệm với gia đình. Anh P thường xuyên uống rượu về gây chuyện đánh đập vợ con. Trong thời gian ly thân anh chị cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Mặt khác, trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh P xin đoàn tụ nhưng Tòa án mời anh P đến dự phiên tòa anh P không đến chứng tỏ rằng anh P không có thiện chí và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị T và anh P không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 người là Trương Quốc T, sinh ngày 08/12/2003 hiện đang sống với anh P. Qua làm việc, cháu T cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

[6] Về án phí: Tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Trong vụ án này, chị Thảo là nguyên đơn, do đó, chị Thảo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Phương T được ly hôn với anh Trương Quốc P, giữa chị T và anh P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Quốc T, sinh ngày 18/12/2003 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Phan Thị Phương T không yêu cầu anh Trương Quốc P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Quốc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012254 ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh